

Bản án số: 67 /2022/DS-ST

Ngày: 29/3/2022

V/v : Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thúy Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đoàn Văn Rỹ.
2. Bà Lý Ngọc Mạnh.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngọc Hiếu - Cán bộ Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Vân – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 519/2019/TLST - DS ngày 25 tháng 12 năm 2019 về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2022/QĐXXST-DS ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 31/2022/QĐST – DS ngày 09/3/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Minh T, sinh năm: 1976.

Địa chỉ: 176 A, Phường X, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có đơn xin vắng mặt)

Bị đơn: Ông Nguyễn Vũ T1, bà Nguyễn Thị Ngọc Y

Địa chỉ: 1280/54 P, Phường T, Quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện nhận ngày 02/7/2019, các biên bản tự khai ngày 25/02/2020, ngày 21/12/2021 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn là ông Lê Minh T trình bày:

Cuối năm 2015, ông Lê Minh T cùng ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y (là vợ của ông T1) có thỏa thuận hợp tác sản xuất gia công vàng trang sức với các điều kiện như sau: ông Lê Minh T là người bỏ vốn, ông Nguyễn Vũ T1 phụ trách trực tiếp sản xuất. Địa điểm sản xuất tại nhà ông Lê Minh T số nhà 40B, đường số 21, khu dân cư B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. Số vàng do ông Lê Minh T cất giữ. Nhưng trong suốt quá trình hợp tác làm việc với nhau thì ông Nguyễn Vũ T1 đưa ra rất nhiều lý do máy móc dụng cụ bị hư hỏng, thuận tiện cho việc cá nhân để mang vàng về nhà của ông T1 sản xuất. Ông T đã nhiều lần phản đối việc này nhưng tình trạng vẫn tiếp tục xảy ra. Do đó hai bên chấm dứt hợp tác. Vào ngày 08/9/2017, giữa ông Lê Minh T với ông

Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có thoả thuận làm hợp đồng ông T cho ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thị Ngọc Y vay số vàng là 62 lượng 4 chỉ 7 phân 2 ly. Đến ngày 02/3/2018, ông T1 và bà Y đã trả cho ông T số vàng là 41 lượng 6 chỉ 1 phân 2 ly. Còn lại số vàng 20 lượng 8 chỉ 6 phân. Ông Lê Minh T đã nhiều lần yêu cầu ông T1 và bà Y thanh toán số vàng còn lại, nhưng đến nay vẫn chưa thanh toán. Do vợ chồng ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y nợ ông T đã lâu nhưng không có thiện chí trả nợ nên ông T đã khởi kiện yêu cầu Tòa buộc ông T1 và bà Y phải trả cho ông T số vàng là 20 lượng, 8 chỉ, 6 phân vàng 61% (tương đương 500 triệu đồng vào thời điểm ngày 26/6/2019). Ông T yêu cầu tính giá vàng tại thời điểm xét xử.

Đối với bị đơn là ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y đã được Tòa án triệu tập và tổng đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định pháp luật. Tuy nhiên do bị đơn ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y vắng mặt nên Tòa án không thể thu được lời khai, tài liệu, chứng cứ và cũng không thể tiến hành hòa giải, đối chất được.

Đại diện Viện kiểm sát quận 8 bà Hoàng Thị Vân trình bày: Thẩm phán chưa đảm bảo đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật tố tụng Dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng thủ tục tố tụng trong quá trình xét xử vụ án. Nguyên đơn chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự, bị đơn không chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn do phù hợp với quy định của bộ luật dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:

Xét đơn khởi kiện của ông Lê Minh T thì đây là vụ án dân sự “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, do bị đơn có nơi cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh. Nên vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, Điều 35, Điều 36 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét về thủ tục tố tụng:

Xét bị đơn ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y đã được Tòa án đã triệu tập nhiều lần để lấy lời khai và hòa giải nhưng ông T1 và bà Y đều vắng mặt. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng theo quy định tại các Điều 171, 172, 173, 174, 177, 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng ông T1 và bà Y đều vắng mặt tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Ngày 17/02/2022 nguyên đơn ông Lê Minh T có Đơn xin xét xử vắng mặt tại phiên tòa xét xử vụ án tranh chấp hợp đồng vay tài sản giữa ông T với ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y . Do ông T bận đi làm nên không thể đến tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy cần áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 để xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn.

Do đó Hội đồng xét xử áp dụng thủ tục xét xử vắng mặt tất cả nhưng người tham gia tố tụng theo quy định tại Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015

[3] Về yêu cầu của đương sự:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của đương sự có đủ cơ sở để xác định giữa ông Lê Minh T với ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có xác lập giao dịch dân sự vay tài sản phù hợp với quy định tại Điều 3, 116, 463 Bộ luật dân sự năm 2015, khoản nợ là có thật nên yêu cầu khởi kiện của ông T là có căn cứ cần chấp nhận giải quyết.

Căn cứ vào Hợp đồng vay vàng được lập ngày 8/9/2017 có đủ căn cứ để xác định ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có vay vàng của ông Lê Minh T số vàng là 62 lượng bốn chỉ bảy phần hai vàng 61%, lãi suất do 2 bên thỏa thuận theo từng tháng, không thỏa thuận thời hạn thanh toán, chỉ thỏa thuận khi nào muốn chấm dứt hợp đồng thì bên cho vay phải báo trước 30 ngày cho bên vay, đồng thời bên vay phải trả đủ cả vốn và lãi. Ngày 02/3/2018 ông Lê Minh T ký xác nhận vào trang 2 của hợp đồng vay vàng ngày 8/9/2017 với nội dung “ Tôi đã nhận lại của Vũ T1 41L.612 (bốn mươi một lượng sáu chỉ một phần hai) “. Đồng thời tại đơn khởi kiện và biên bản tự khai ngày 25/02/2020 ông T đều thừa nhận ông T1 đã trả cho ông số vàng là 41 lượng 6 chỉ 1 phần hai loại vàng 61% nên có căn cứ xác định ông T1 và bà Y đã thanh toán cho ông T số vàng bốn mươi một lượng sáu chỉ một phần hai, còn nợ lại ông T số vàng là 20 lượng 8 chỉ 6 phần loại vàng 61%.

Ngày 2/7/2019 ông Lê Minh T có Thông báo đòi tài sản đến ông Nguyễn Vũ T và bà Nguyễn Thị Ngọc Y, đồng thời đã gửi Thông báo đòi tài sản cho ông T1 và bà Y qua đường bưu điện nhưng quá thời hạn 1 tháng theo thỏa thuận ông T1 và bà Y vẫn không thanh toán số vàng còn nợ.

Tại hợp đồng vay vàng các bên có thỏa thuận tiền lãi nhưng không xác định rõ lãi suất, đồng thời tại đơn khởi kiện và biên bản tự khai ngày 25/02/2020 ông Lê Minh T không yêu cầu tính lãi đối với số vàng ông T và bà Y còn nợ lại, xét thấy yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại biên bản tự khai ngày 21/12/2021 ông T có xác nhận khi giao dịch hai bên thỏa thuận loại vàng 61% tương đương vàng 15k nhưng ông T chỉ yêu cầu ông T1, bà Y thanh toán theo vàng 14k, xét yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấy yêu cầu đòi lại khoản vàng nợ gốc 20 lượng 8 chỉ 6 phần loại vàng 14k, không tính lãi của ông Lê Minh T đối với ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y là phù hợp với quy định tại Điều 466, 469 Bộ luật dân sự năm 2015, có căn cứ cần chấp nhận. Buộc ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh T số vàng nợ gốc là 20 lượng 8 chỉ 6 phần loại vàng 14k. Tương đương 681.204.160 đồng, theo giá vàng 14k ngày 29/3/2022 (32.656.000 đ/ 01lượng), không tính lãi, thanh toán một lần, ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

[4] Về án phí:

Căn cứ khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Luật phí, lệ phí ngày và nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 thì ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu toàn bộ án phí trên số vàng do nguyên đơn được chấp nhận là 20 lượng 8 chỉ 6 phần loại vàng 14k (Tương đương 681.204.160 đồng, theo giá vàng 14k ngày 29/3/2022 (32.656.000 đ/ 01lượng). Án phí dân sự sơ thẩm là 31.248.166 (ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm sáu mươi sáu) đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 26, 35, 36, 39, 147, 171, 172, 173, 174, 177, 179, 227, 228, 238, 266, 271, 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 3, 116, 463, 466, 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;
- Luật thi hành án dân sự;
- Căn cứ Luật phí, lệ phí ;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của

1. Tuyên xử vắng mặt đối với ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của ông Lê Minh T. Buộc ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y có trách nhiệm thanh toán cho ông Lê Minh T số vàng vốn gốc là 20 lượng 8 chỉ 6 phân loại vàng 14k. Tương đương 681.204.160 đồng, theo giá vàng 14k ngày 29/3/2022 (32.656.000 đ/ 01lượng), không tính lãi. Thanh toán một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Thi hành tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản vàng trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số vàng (được quy đổi ra tiền tương đương giá vàng tại thời điểm thi hành án) còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Án phí :

Án phí dân sự sơ thẩm là 31.248.166 (ba mươi một triệu hai trăm bốn mươi tám ngàn một trăm sáu mươi sáu) đồng, ông Nguyễn Vũ T1 và bà Nguyễn Thị Ngọc Y phải chịu. Nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

Ông Lê Minh T được hoàn lại tiền tạm ứng án phí đã nộp là 12.000.000 (mười hai triệu) đồng theo biên lai thu tiền số 0012624 ngày 20/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8.

3. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại địa phương nơi cư trú để yêu cầu Tòa án nhân dân TP Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Q.8;
- Chi cục THADS Q.8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

TRẦN THỊ THÚY MINH

